

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường

3/8	(25.34)	85	295	40
3/7	(6.28)	191	186	44
3/4	0.33	219	143	59
3/3	19.48	276	94	51
3/2	(13.26)	126	248	46
3/1	5.37	224	145	51

■ CK tăng giá ■ CK giảm giá ■ CK đứng giá

NKG		24.31
DXG		15.80
PC1		14.08
SBT		9.05
BVH		6.51
TLG		4.69
SSI	(88.08)	
VHM	(98.62)	
VIC	(104.71)	
VCB	(105.34)	
GEX	(105.61)	
HR20.67		

Thị trường đã có những rung lắc rất mạnh mà đỉnh điểm là thời gian về cuối giờ giao dịch. Chỉ số Vnindex mở cửa đã rơi trên 5 điểm và đóng cửa cuối ngày mất gần 30 điểm. Đây là phiên đầu tiên trong kể từ tháng 1 thị trường có cú rơi sâu như vậy. Toàn thị trường có đến hơn 385 mã giảm so với chỉ 84 mã xanh. Thanh khoản hôm nay quay trở lại trên 30 ngàn tỷ do lượng hàng đổ bán mạnh. Nhóm cổ phiếu VN30 trong ngày duy nhất chỉ có VJC, FPT, POW SAB, MSN, SSI giữ xanh nhẹ trên tham chiếu một chút.

Hầu như các nhóm ngành đều mất điểm trong ngày và chỉ có một số cổ phiếu nhóm cao su và hóa chất giữ xanh nhẹ. Cổ phiếu nổi bật nhất hôm nay đến từ GEE là công ty con của GEX niêm yết lần đầu trên Upcom và tăng 10%.

Ngân hàng: cổ phiếu ngân hàng không giữ được nhịp thị trường và cũng bị bán mạnh về cuối phiên. VCB, MBB thậm chí giảm sâu gần -4%. Các bank lớn BID, VPB, ACB, MSB cũng mất điểm mạnh gần 2%. Trong đợt sóng tháng 2 cổ phiếu ngân hàng gần như đi ngang và hiện nhiều cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ mạnh như TCB, MBB, OCB, ACB.

Phân đạm, hóa chất: Làn sóng chốt lời mạnh diễn ra ở hai nhóm ngành này hôm nay khi nhiều cổ phiếu đã tăng trên 30%. DCM, DPM, CSV, DGC đều có thanh khoản tăng đột biến và giảm mạnh hơn -4% trong ngày. Tuy nhiên nếu thị trường lạc quan trở lại trong vài phiên tới thì hai nhóm ngành này dự báo sẽ đảo chiều sớm hơn các ngành khác.

Cảng biển, Logistics cũng bị gia tăng chốt lời trong ngày ở hàng loạt cổ phiếu như GMD, HAH, PVT, VOS, VSC. Nhóm cảng biển logistics cũng là nhóm ngành giảm mạnh nhất trong ngày so với các ngành khác.

Thép: cổ phiếu thép cũng đồng loạt mất điểm từ 2% - 4% ở hàng loạt mã lớn như HSG, NKG, HPG. Giao dịch riêng cổ phiếu HPG hôm nay đạt trên 40 triệu trong đó khối ngoại bán ra đến 5 triệu.

Vnindex 1,473.71

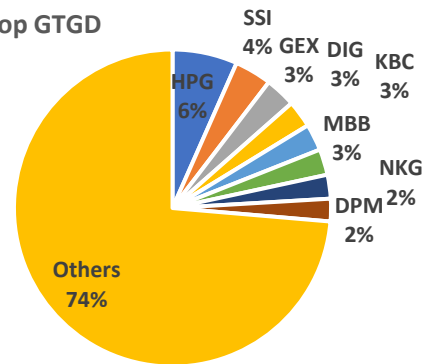
▼ -25.34 (-1.69%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VJC	137.0	2,800	2.09
HVN	25.2	300	1.20
FPT	94.8	1,000	1.07
POW	17.2	150	0.88
SAB	155.6	1,000	0.65
SSI	47.0	200	0.43
MSN	158.8	600	0.38
MWG	134.2	-	-
NVL	76.0	-	-
HDB	27.4	(50)	(0.18)
CTG	32.1	(100)	(0.31)
TCB	49.0	(250)	(0.51)
TPB	38.8	(200)	(0.51)
VIB	44.6	(300)	(0.67)
VIC	77.9	(600)	(0.76)
BVH	58.4	(500)	(0.85)
VNM	76.1	(700)	(0.91)
VRE	32.5	(400)	(1.22)
GVR	36.3	(450)	(1.22)
BID	41.6	(650)	(1.54)
REE	72.5	(1,300)	(1.76)
PNJ	106.0	(2,000)	(1.85)
VPB	37.0	(700)	(1.86)
DHG	114.5	(2,200)	(1.89)
ACB	32.6	(650)	(1.95)
STB	30.9	(650)	(2.06)
VHM	74.6	(1,600)	(2.10)
BCM	74.8	(1,800)	(2.35)
PDR	87.1	(2,400)	(2.68)
GAS	120.7	(3,900)	(3.13)
PLX	61.3	(2,000)	(3.16)
HPG	49.5	(1,650)	(3.23)
MBB	31.0	(1,200)	(3.73)
VCB	81.5	(3,400)	(4.00)



Top GTGD



Chỉ số Vnindex hôm nay lùi xa mốc 1500 và gần về ngưỡng 1470. Những nhóm ngành hưởng lợi trong đợt vừa qua như Thép, Phân bón, hóa chất, dầu khí đã có bước tăng tốc khá xa vì vậy cần một vài nhịp điều chỉnh để thu hút dòng tiền mới. Trong khi đó các nhóm ngành còn lại như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản chưa có tín hiệu hồi phục trong ngắn hạn do những lo ngại về chiến sự tại Ucraina còn kéo dài.

Vùng hỗ trợ hiện tại của Vnindex hiện quanh 1460 nhưng nếu tình hình xấu hơn có thể ngưỡng này có thể bị phá vỡ. Dù vậy chúng tôi vẫn kỳ vọng thị trường có thể sớm hồi phục lại trong vài phiên tới. Các nhóm cổ phiếu phân bón, hóa chất, dệt may, ngân hàng, BĐS KCN vẫn ưu tiên nắm giữ và chờ các tín hiệu tích lũy trở lại.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VPB	37.0	(2.0)	35	45	Mua mới quanh 37-38. Mục tiêu 45	2/25/2022	-1.9%
TCM	71.4	1.4	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	6.6%
KBC	52.0	(9.6)	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	-7.1%
HPG	49.5	5.4	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	10.0%
FTS	56.2	(1.9)	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	8.1%
TNG	33.8	(0.9)	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 40	2/7/2022	16.6%
DPM	62.0	9.2	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 65	2/7/2022	47.6%
VCI	62.6	(1.4)	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	7.9%
GVR	36.3	1.7	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	13.4%
REE	72.5	(2.9)	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	11.5%
NLG	53.5	(5.3)	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	0.9%
OCB	25.9	(2.3)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	-3.7%
TCB	49.0	(2.6)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	-2.0%
CTG	32.1	(3.8)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-8.3%
STK	54.0	(3.2)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	1.9%
VIB	44.6	(5.1)	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-5.1%
MBB	31.0	(8.8)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	6.9%
MWG	134.2	(1.3)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-0.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Cao su	4.18
Công nghệ Thông tin	1.33
Hàng cá nhân & Gia...	1.07
Du lịch và Giải trí	0.54
Hóa chất	0.53
Y tế	0.21
Ô tô và phụ tùng	0.08
Bao bì	0.00
Viễn thông	(0.01)
Điện	(0.03)
Nước	(0.18)
Vật liệu xây dựng	(0.29)
Khoáng sản	(0.58)
Hàng & Dịch vụ...	(0.60)
Thực phẩm và đồ...	(0.62)
Xây dựng	(0.72)
Dịch vụ tài chính	(0.87)
Bảo hiểm	(0.89)
Truyền thông	(0.93)
Ngân hàng	(1.05)
Phân bón	(1.24)
Dầu khí	(1.28)
Thủy sản	(1.33)
Bán lẻ	(1.40)
Tài nguyên Cơ bản	(1.61)
Sản xuất và KD Thép	(1.72)
Bất động sản	(1.89)
Dệt May	(2.07)
Bất động sản KCN	(2.52)
Vận tải - Logistics	(3.13)

DGC - Tập đoàn Hóa chất Đức Giang – Đã công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2022. Theo đó kế hoạch tổng doanh thu năm nay là 12.117 tỷ đồng, tăng 26% so với thực hiện năm 2021. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 3.500 tỷ đồng, tăng 39%.

Ngoài ra, HĐQT dự kiến trình cổ đông thông qua phương án phát hành 8,55 triệu cổ phiếu cho người lao động (ESOP), tương đương 5% cổ phần đang lưu hành. Sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức và ESOP, vốn điều lệ có thể hơn gấp đôi từ 1.516 tỷ lên 3.601 tỷ đồng.

HPG - Tập đoàn Hòa Phát - Công bố sản lượng sản xuất thép thô tháng 2 đạt 693.000 tấn, tăng 10% so với cùng kỳ 2021. Sản lượng bán hàng thép xây dựng, phôi thép và thép cuộn cán nóng (HRC) đạt 708.000 tấn, tăng 61,2% so với cùng kỳ.

PDR - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt - Dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 3.635 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2021, đóng góp vào kế hoạch lũy kế lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2019 – 2023 đạt 14.270 tỷ đồng.

TDM - CTCP Nước Thủ Dầu Một - Năm 2022 công ty đặt mục tiêu tiêu thụ hơn 71 triệu m3 nước, tăng 12% so với năm 2021. Ước tính tổng doanh thu giảm 16% so với năm 2021, còn 510 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế ước giảm 27% so với thực hiện năm 2021, đạt gần 247 tỷ đồng. Phán đấu chia cổ tức tỷ lệ 13%.

LBM - CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng - Ngày 24/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 25/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 14/4/2022.

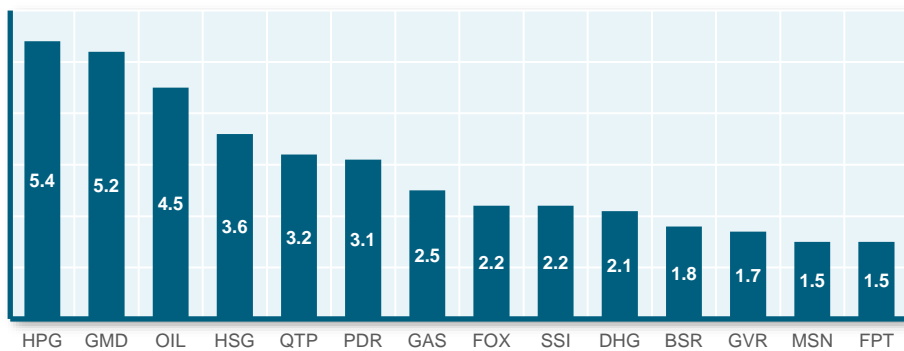
CII - CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM – HĐQT đã thông qua kế hoạch bán 9 triệu cổ phiếu quỹ. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

SVT - CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông – Đã thông qua việc mua thêm hơn 631.000 cổ phần tại CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt. Qua đó, nâng sở hữu tại Công ty Hoàng Việt lên hơn 2,73 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ 30%.

SJD - CTCP Thủy điện Cần Thơ - Ngày 17/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm trả tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 18/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 13%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/3/2022.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ năm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	37.0	16,269,800	14.1	1.9	109,500	-	164,483	17.50	2,621	19,187
VIB	HOSE	44.6	2,093,200	10.8	2.9	-	200	69,270	20.50	4,127	15,640
VCB	HOSE	81.5	2,936,300	13.8	2.7	889,300	2,166,000	385,700	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	16.8	20,117	15.9	1.4	-	-	8,025	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	14.3	539,395	9.7	1.0	-	-	7,721	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	38.8	5,092,700	12.7	2.4	46,500	136,800	61,372	29.89	3,054	16,430
TCB	HOSE	49.0	8,766,400	9.5	1.8	-	-	172,035	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	30.9	16,477,900	17.1	1.7	1,344,700	1,413,700	58,159	19.18	1,810	18,174
SSB	HOSE	37.7	1,994,100	21.4	3.0	6,000	-	55,739	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	21.0	13,867,200	11.2	1.6	8,400	303,500	55,871	3.31	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.2	201,700	-	1.5	-	-	5,606	0.01	398	12,042
PGB	UPCOM	30.1	72,375	34.3	2.2	-	-	9,030	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	25.9	2,846,800	8.1	1.6	4,200	399,500	35,480	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	30.5	60,203	-	2.9	-	-	12,408	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	19.7	281,706	-	-	1,000	-	12,932	(2.58)	-	-
MSB	HOSE	25.2	6,324,500	9.5	1.7	14,800	-	38,417	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	31.0	25,634,800	9.2	1.9	2,000,000	2,052,700	117,128	23.24	3,361	16,538
LPB	HOSE	22.0	9,385,900	9.2	1.6	15,100	100	27,249	5.00	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.7	103,052	13.1	2.2	-	-	10,013	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	27.4	4,817,700	9.1	1.8	115,000	1,444,100	55,034	15.99	3,016	15,339
EIB	HOSE	33.2	513,700	42.5	2.3	23,300	5,000	40,756	29.68	781	14,395
CTG	HOSE	32.1	7,175,000	10.9	1.6	1,031,400	969,000	154,024	25.73	2,932	19,488
BVB	UPCOM	19.8	1,876,332	29.2	1.6	50,000	1,700	7,268	0.14	678	12,638
BID	HOSE	41.6	2,585,800	19.9	2.4	10,100	45,100	210,435	16.85	2,090	17,073
BAB	HNX	22.2	25,230	23.0	1.8	-	-	16,720	-	964	12,018
ACB	HOSE	32.6	7,221,800	9.2	2.0	-	-	88,084	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	16.3	1,494,881	7.3	1.0	500	-	15,337	14.22	2,238	16,828
			138,678,591	15.45	1.94	5,669,800	8,937,400	1,894,294		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DAE	HNX	18/03/2022	21/03/2022	29/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PDN	HOSE	17/03/2022	18/03/2022	6/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	ADC	HNX	14/03/2022	15/03/2022	25/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GTN	HOSE	8/3/2022	9/3/2022		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 16:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	HDA	HNX	7/3/2022	8/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	HEV	HNX	7/3/2022	8/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PNJ	HOSE	7/3/2022	8/3/2022	7/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SAB	HOSE	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	KMT	HNX	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DAD	HNX	2/3/2022	3/3/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	IDV	HNX	2/3/2022	3/3/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	SVD	HOSE	1/3/2022	2/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
14	VGT	UPCoM	28/02/2022	1/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
18	NDP	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	21/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HEM	UPCoM	22/02/2022	23/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CCI	HOSE	22/02/2022	23/02/2022	31/03/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DTV	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	4/3/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931